

Số: 231/QĐ-THAD

Long Nguyên, ngày 13 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2026
của trường Tiểu học An Điền

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC AN ĐIỀN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2040/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 về việc giao dự toán chi ngân sách Nhà nước trên địa bàn và phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2026 cho Văn phòng HĐND – UBND, Văn phòng Đảng Ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các Trường học công lập trên địa bàn phường Long Nguyên;

Theo đề nghị của bộ phận kế toán nhà trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2026 của trường Tiểu học An Điền (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

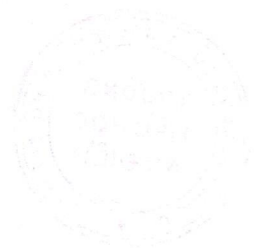
Điều 3. Bộ phận kế toán và các bộ phận liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT,

HIỆU TRƯỞNG

Trần Quang Kiệt



1914

Đơn vị: Trường Tiểu học An Điền
Chương: 822

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM 2026

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Trường Tiểu học An Điền công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 06 tháng đầu năm 2026 như sau:

Đơn vị: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	1.411.200.000	225.128.560	15.95%	
1	Hỗ trợ học phí theo NQ40	1.411.200.000	225.128.560	15.95%	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	28.295.101.421	8.561.867.634	30.26%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	28.295.101.421	8.561.867.634	30.26%	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	28.295.101.421	8.561.867.634	30.26%	
1.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	15.610.129.326	5.404.769.538	34.62%	
1.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.710.660.480	1.185.763.140	46.67%	
1.3	Kinh phí thực hiện chi Thu nhập tăng thêm theo NQ27/2025/NQ-HĐND	9.196.101.720	1.973.334.956	21.46%	
1.4	Kinh phí khen thưởng theo Nghị định 73/2024	778.209.895	0	0	

Long Nguyên, Ngày 13 tháng 07 năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trần Quang Kiệt



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Nguyên, ngày 13 tháng 7 năm 2026

THUYẾT MINH

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng năm 2026

(Kèm theo biểu mẫu số 75/CKTC theo Quyết định số:/QĐ-THAD ngày 13/7/2026 của trường Tiểu học An Điền)

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 26/02/2026 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai ngân sách nhà nước Trường Tiểu học An Điền báo cáo thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 3 tháng đầu năm 2026 cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH

1. **Tổng số thu trong kỳ:** 28.295 triệu đồng. Đạt 100% so với dự toán năm được giao.
2. **Chi tiết các khoản thu:**

- Thu từ phí, lệ phí được để lại chi theo chế độ: triệu đồng.
- Thu từ hoạt động sự nghiệp (hỗ trợ học phí): 0 triệu đồng.
- Các khoản thu hợp pháp khác: triệu đồng.

3. **Đánh giá:** Chế độ hỗ trợ học phí thực hiện đúng đủ theo qui định

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH

1. **Tổng số chi trong kỳ:** 8.561 triệu đồng. Đạt 30.26 % so với dự toán năm.

2. **Chi tiết theo nhóm mục chi chính:**

- **Chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên:** 5.405 triệu đồng.

Trong đó: Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương: 5.196 triệu đồng;

Chi hoạt động chuyên môn văn phòng: 509 triệu đồng

- **Chi thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên:** 1.048 triệu đồng

- **Chi mua sắm, sửa chữa lớn TSCĐ:** 199 triệu đồng.

- **Đánh giá và giải trình biến động chi:**

Chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2026 thấp chỉ đạt 30.26 % so với dự toán được giao vì 6 tháng đầu năm tập trung cao vào các khoản chi lương, bảo hiểm và các khoản tiền tết cho CB-GV-NV và người lao động

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN, THANH TRA (Nếu có)

1. Tình hình thực hiện xử lý tài chính theo kết luận của cơ quan Thanh tra, Kiểm toán nhà nước:

2. Các biện pháp khắc phục hạn chế, sai sót trong quản lý tài chính tại đơn vị:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Trần Quang Kiệt



Lê Tuyết Nhung

Người ký: Lâm Nguyễn Thùy Dương
Ngày ký: 01/07/2026 14:11:09
Chức vụ: Trưởng Tiểu ban
Đơn vị: KERN Khu vực IFPCĐ số 19

Lâm Nguyễn Thùy Dương

Người ký: Trương Thị Thanh Nhân
Ngày ký: 30/06/2026 16:58:22
Chức vụ: Trưởng Tiểu ban
Đơn vị: Trường Tiểu học An Điền

Trương Thị Thanh Nhân

Người ký: Trần Quang Kiệt
Ngày ký: 01/07/2026 08:42:00
Chức vụ: Trưởng Tiểu ban
Đơn vị: Trường Tiểu học An Điền

Trần Quang Kiệt

Mã chương: 822

Đơn vị: Trường Tiểu học An Điền

Mã ĐVQHNS: 1031490

Mã cấp NS: 4

Kho bạc Nhà nước giao dịch: KBNN Khu vực II-PGD số 19

Mã hồ sơ: 0226-1031490-0145007218
Chức danh: Kế toán trưởng
Nơi dùng: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu
xác nhận số dư

Mẫu số 28

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 2 /Năm 2026

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn ngân sách nhà nước	Mã ngành kinh tế	Mã nội dung kinh tế	Mã chương trình mục tiêu, dự án	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	12	072	6051	00000	0	0	64.415.700	73.920.600	64.415.700	73.920.600
Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	12	072	6157	00000	0	0	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000
Bảo hiểm xã hội	12	072	6301	00000	0	0	9.308.520	9.308.520	9.308.520	9.308.520
Bảo hiểm y tế	12	072	6302	00000	0	0	1.642.680	1.642.680	1.642.680	1.642.680
Bảo hiểm thất nghiệp	12	072	6304	00000	0	0	547.560	547.560	547.560	547.560
Các khoản đóng góp khác	12	072	6349	00000	0	0	273.780	273.780	273.780	273.780
Chi khác	12	072	6449	00000	0	0	0	126.000.000	0	126.000.000
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	12	072	6552	00000	0	0	180.000.000	180.000.000	180.000.000	180.000.000
Tài sản và thiết bị văn phòng	12	072	6955	00000	0	0	18.900.000	18.900.000	18.900.000	18.900.000
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	12	072	7766	00000	0	0	767.920.000	767.920.000	767.920.000	767.920.000
Lương theo ngạch, bậc	13	072	6001	00000	0	0	1.447.568.460	2.941.117.920	1.447.568.460	2.941.117.920
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	072	6051	00000	0	0	0	9.504.900	0	9.504.900

Phụ cấp chức vụ	13	072	6101	00000		0		0	26.325.000	52.650.000	26.325.000	52.650.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	072	6112	00000		0		0	482.544.012	981.048.369	482.544.012	981.048.369
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	072	6113	00000		0		0	2.808.000	5.616.000	2.808.000	5.616.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	072	6115	00000		0		0	231.456.203	451.814.634	231.456.203	451.814.634
Chi khác	13	072	6299	00000		0		0	1.200.000	36.000.000	1.200.000	36.000.000
Bảo hiểm xã hội	13	072	6301	00000		0		0	307.963.443	603.803.035	307.963.443	603.803.035
Bảo hiểm y tế	13	072	6302	00000		0		0	54.346.490	106.553.477	54.346.490	106.553.477
Bảo hiểm thất nghiệp	13	072	6304	00000		0		0	18.115.496	35.517.825	18.115.496	35.517.825
Các khoản đóng góp khác	13	072	6349	00000		0		0	9.057.748	17.758.912	9.057.748	17.758.912
Chi khác	13	072	6449	00000		0		0	0	33.696.000	0	33.696.000
Tiền khoán phương tiện theo chế độ	13	072	6505	00000		0		0	1.606.016	1.606.016	1.606.016	1.606.016
Phụ cấp công tác phí	13	072	6702	00000		0		0	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000
Thuê lao động trong nước	13	072	6757	00000		0		0	49.728.150	126.882.450	49.728.150	126.882.450
Chi khác	14	072	6449	00000		0		0	1.973.334.956	1.973.334.956	1.973.334.956	1.973.334.956
				Cộng:		0		0	5.655.512.214	8.561.867.634	5.655.512.214	8.561.867.634
Phần KBNN ghi:												

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 1 tháng 7 năm 2026

Kế toán

(Ký tên)

Kiểm soát

(Ký tên, đóng dấu)

Lê Tuyết Nhung

ĐƠN VỊ GIAO DỊCH

Ngày 1 tháng 7 năm 2026

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)